TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHAN THIẾT** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 14-5-2024
"V/v: Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Dũng

***Các Hội thẩm nhân dân*:**

1. Ông Đỗ Văn Hòa

2. Ông Nguyễn Văn Đô

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Vũ Thùy Chi – Cán bộ Tòa án nhân thành phố Phan Thiết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết: Bà Trương Thị Mỹ Thuận – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 618/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2023 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 116/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 145/2024/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2024, Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 227/2024/TB-TA ngày 22 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị H, sinh năm 1980

Địa chỉ: Khu phố A, phường M, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Bị đơn: Ông Trần T, sinh năm 1976

Địa chỉ: Khu phố A phường M, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa nguyên đơn có mặt, vắng mặt bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/11/2023 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Bà Phạm Thị H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị H và ông Trần T tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và chung sống vào năm 2002, đăng ký kết hôn tại UBND xã H, thành phố Q, tỉnh Bình Định, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 224/2002 ngày 06/9/2002. Trong quá trình chung sống bà và ông T không hợp nhau thường xuyên cãi vã, do bất đồng quan điểm sống. Hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được, mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm lẫn nhau. Nay bà H xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

- Về con chung: Ông, bà có 01 con chung tên Trần Ngọc B, sinh 21/03/2005. Hiện nay cháu đã trưởng thành quá 18 tuổi và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Bà Phạm Thị H không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Phạm Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại phiên tòa bị đơn ông Trần T vắng mặt.*

Bị đơn có nơi cư trú tại khu phố A, phường M, thành phố P, Tòa án đã thông báo cho ông T biết việc bà H yêu cầu ly hôn với ông nhưng ông vẫn bỏ mặc không đến Tòa, do vậy Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng: "Thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; thông báo kết quả phiên họp; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa" theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi những người tham gia tố tụng phát biểu tranh luận và đối đáp, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký, của những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, về con chung đã trưởng thành, có khả năng lao động không yêu cầu tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Thẩm quyền giải quyết vụ án, bị đơn ông T có nơi cư trú tại Khu phố A, phường M, thành phố P, tỉnh Bình Thuận. Căn cứ theo qui định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015, yêu cầu

khởi kiện của bà Phạm Thi H1 về việc "Ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết.

[2] Nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho thấy: quan hệ hôn nhân giữa bà Phạm Thị H và ông Trần T là hợp pháp vì ông bà chung sống có đăng ký kết hôn vào năm 2002 tại UBND xã H, thành phố Q, tỉnh Bình Định, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 224/2002 ngày 06/9/2002.Trong quá trình chung sống giữa bà H và ông Thu P phát sinh mâu thuẫn theo bà cho rằng do bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường hay xảy ra bất hòa nhau, không hòa hợp với nhau trong cuộc sống vợ chồng. Khi Tòa án thông báo cho ông T biết việc bà H xin ly hôn với ông nhưng ông T vẫn bỏ mặc không quan tâm đến.

Tại phiên toà hôm nay vẫn không có mặt ông T chứng tỏ, ông T đã khước từ quyền tham gia tố tụng của mình, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc xét xử vắng mặt ông T là phù hợp, đảm bảo quyền chính đáng, hợp pháp cho bà H.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị H và ông Trần T đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã H, thành phố Q, tỉnh Bình Định, theo giấy chứng nhận kết hôn số 224/2002 ngày 06/9/2002. Qua tự khai và phần trình bày của bà H tại phiên tòa HĐXX nhận thấy đời sống chung của vợ chồng bà H và ông T không được hạnh phúc, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn. Bà H và ông T hiện mạnh ai nấy sống không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau.

Nhận thấy việc bà Phạm Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Trần T là hoàn toàn chính đáng .Từ những nhận định trên yêu cầu xin ly hôn của bà H thỏa mãn điều kiện quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015 nên yêu cầu xin ly hôn của bà H được chấp nhận

[4] Về con chung: Ông, bà có 01 con chung Trần Ngọc B, sinh 21/03/2005. Hiện nay cháu đã trưởng thành quá 18 tuổi và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Bà Phạm Thị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết phát biểu quan điểm vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn. Về con chung: có 01 con chung Trần Ngọc B, sinh 21/03/2005. Hiện nay cháu đã trưởng thành quá 18 tuổi và có khả năng lao động, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu nên không xét.

Đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là hợp lý nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/<u>Áp dụng</u>:

Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự

Căn cứ Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57. Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2/<u>Tuyên xử</u>:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị H được ly hôn ông Trần T - Về con chung: Ông, bà có 01 con chung tên Trần Ngọc B, sinh 21/3/2005. Hiện nay cháu đã trưởng thành quá 18 tuổi và có khả năng lao động, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Bà Phạm Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai số 0001030 ngày 06/12/2023 do Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết thu. Bà H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo bản án của bà Phạm Thị H là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (14/5/2024). Quyền kháng cáo của ông Trần T là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại địa phương.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a,7b và 9 luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Tp.Phan Thiết;
- Chi cục THA dân sự TP.Phan Thiết;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Nguyễn Ngọc Dũng